

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

**Hà Nội, năm 2019**

## MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo .....	1
1.2. Mục tiêu đào tạo .....	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh: .....	2
1.4. Hình thức đào tạo .....	2
1.5. Điều kiện tốt nghiệp .....	2
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	3
2.1. Kiến thức .....	3
2.2. Kỹ năng .....	4
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm .....	4
PHẦN 3: MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA .....	5
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	7
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo .....	7
4.2. Chương trình đào tạo .....	7
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra. ....	40
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ) .....	43
4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần .....	46
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình .....	58
4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu .....	58
4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình .....	72
4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình .....	73

# PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:

▪ Tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

▪ Tiếng Anh: **Tourism and travel services management**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**

- Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

- Mã số: **7810103**

- Thời gian đào tạo: **04 năm**

- Loại hình đào tạo: **Chính quy**

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp

▪ Tiếng Việt: **Cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

▪ Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism and travel services management**

## 1.2. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có chuyên môn sâu về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Có kiến thức và năng lực vững vàng về lý thuyết lẫn thực hành đáp ứng yêu cầu của việc phát triển du lịch bền vững. Đồng thời có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có phẩm chất tốt, có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

Đào tạo cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

### a) Kiến thức

MT1: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có kiến thức thực tế và biết vận dụng để giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá được các quá trình hoạt động du lịch theo các tiêu chuẩn nhất định.

MT2: Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá được các quá trình hoạt động du lịch theo các tiêu chuẩn nhất định.

### b) Kỹ năng

MT3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh du lịch; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn

đạt, xử lý những tình huống thường gặp khi phục vụ khách du lịch; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến chuyên môn.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

MT5: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

d) Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe:

MT6: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

e) Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

MT7: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

**1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:**

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo; theo quy định của trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hàng năm.

**1.4. Hình thức đào tạo:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

**1.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

## PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Kiến thức

- KT1: Hiểu được những nguyên lí, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam để vận dụng trong ngành Du lịch. Phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội vận dụng trong ngành Du lịch. Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ, luật pháp... trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.

- KT2: Áp dụng được các kiến thức về lĩnh vực Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính, Kế toán, Thống kê kinh tế nhằm làm cơ sở nghiên cứu sâu hơn các nội dung kiến thức chuyên ngành. Hiểu được những kiến thức về ẩm thực, các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới để vận dụng linh hoạt trong thực tiễn nghề nghiệp du lịch.

- KT3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lí trong kinh doanh du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực lữ hành, khách sạn và tổ chức sự kiện. Phân tích, tổng hợp được những quan điểm, lí thuyết, các vấn đề cơ bản của khoa học du lịch và áp dụng vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu và kinh doanh quản lí du lịch. Áp dụng được những nguyên tắc cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo phát triển bền vững. Hiểu biết thực tế công việc chuyên môn thuộc ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành từ đó trau dồi kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá được các quá trình hoạt động du lịch theo tiêu chuẩn VTOS của Tổng cục Du lịch Việt Nam và EU. Phân tích được kiến thức trong hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lí, điều hành, kinh doanh du lịch. Vận dụng đưa ra được các chiến lược du lịch bền vững để giảm thiểu các tác động tiêu cực cũng như tối đa hóa các tác động tích cực.

- KT5: Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và

Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

## **2.2. Kỹ năng**

- KN1: Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- KN2: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- KN3: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
- KN4: Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- KN5: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

## **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- NL: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

**PHẦN 3**

**MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
Kiến thức	KT1	X				X		
	KT2	X						
	KT3	X						
	KT4		X		X			
	KT5	X		X				
Kỹ năng	KN1		X	X	X	X		
	KN2			X			X	
	KN3			X				
	KN4			X	X			
	KN5			X	X			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL				X	X		X





## PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy</b>	<b>132</b>
Trong đó:	
- <b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b> ( <i>Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN</i> )	<b>27</b>
- <b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>105</b>
• Kiến thức cơ sở ngành	25
• Kiến thức ngành	68
+ <i>Bắt buộc:</i>	60
+ <i>Tự chọn:</i>	08
• Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

### 4.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>							
<b>I.1</b>	<b>1. I.1. Lý luận chính trị</b>							
1	LTML2101	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học, vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	2	22	8	60	
2	LTML2102	Những Nguyên lý cơ bản của chủ	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu:	3	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		nghĩa Mác - Lê nin 2	trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học, vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.					
3	LTĐL2101	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó. Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội; xác định được trách nhiệm của bản thân để thực hiện tốt đường lối,	3	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.					
4	LTTT2101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại; Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác; Hun đúc lòng yêu nước, nâng cao lòng tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.	2	21	9	60	
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>							
5	KTQU215 1	Kỹ năng mềm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về kỹ năng	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.					
6	LTPL2101	Pháp luật đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.					
<b>I.3 Ngoại ngữ</b>								
7	NNTA210 1	Tiếng Anh 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có	3	8	37	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.					
8	NNTA210 2	Tiếng Anh 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về các thì, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiên trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiên trung cấp.	3	6	39	90	
9	NNTA210 3	Tiếng Anh 3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...;		6	24	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
<b>I.4 Khoa học tự nhiên – Tin học</b>								
10	KDTO2108	Toán cao cấp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;	3	25	20	90	
11	CTKH2151	Tin học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Thành thạo các ứng dụng văn phòng, sử dụng internet.					
<b>I.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>							
<b>I.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – An ninh</b>							
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>							
12	KTKH230 1	Kinh tế vi mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ	3	33	12	90	



TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.					
13	KTKH230 2	Kinh tế vĩ mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở. Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô.	3	35	10	90	
14	KTTM230 1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên,	2	22	08	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			<p>biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu.</p>					
15	KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên Hiểu được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện</p>	2	19	11	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			tượng.					
16	KTKE2501	Nguyên lý kế toán	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.	3	30	15	90	
17	KTPT2302	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu	2	24,5	5,5	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.					
18	KTDL2401	Điểm đến du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch và điểm đến du lịch, biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, biết được về tổ chức lãnh thổ du lịch, hiểu hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch trên thế giới và tại Việt Nam. Vận dụng hệ thống kiến thức của điểm đến du lịch để nâng cao hiểu biết về các loại hình du lịch trên thế giới và tại Việt Nam, từ đó cung cấp các dữ liệu du lịch tại các vùng và tư vấn cho khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	3	35	10	90	
19	MNT101	Quản trị học	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như:	3	36	9	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức.					
20	BMA202	Marketing căn bản	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến.					
21	KTTC2304	Tài chính - Tiền tệ	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó,	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.					
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>							
22	OVT101	Tổng quan du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản liên quan tới lĩnh vực du lịch, đặc điểm của du lịch cũng như sự phát triển của ngành du lịch, và vai trò của ngành du lịch trong phát triển kinh tế. Ngoài ra, sinh viên còn hiểu biết những kiến thức liên quan đến quản trị và xu hướng phát triển của ngành du lịch trong tương lai để áp dụng trong thực hiện các nghiệp vụ du lịch.	3	32	13	90	
23	SMT202	Quản lý nhà nước về du	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		lịch	bày được những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; hiểu được một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch và áp dụng vào thực tế nghề nghiệp.					
24	KTDL2404	Quản trị doanh nghiệp du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, người học có thể phân tích hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp điển hình như: nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch.	3	33	12	90	
25	HRM 203	Quản trị nguồn nhân lực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết	3	32	13	90	



TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả... Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.					
26	ETM203	Quản trị sự kiện	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			chức điều hành các hoạt động của sự kiện.					
27	MIR202	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. Từ đó, biết áp dụng trong thực tiễn nghề nghiệp của mình.	3	35	10	90	
28	TQM203	Quản trị chất lượng du lịch	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Từ đó người học có thể triển	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			khai áp dụng vào công việc trong tương lai.					
29	TMG202	Marketing du lịch	Sau khi nghiên cứu học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	3	36	9	90	
30	FOM203	Quản trị lễ tân	Sau khi nghiên cứu học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị lễ tân như: lập kế hoạch đón tiếp khách hàng, dự báo quỹ phòng, chu trình đặt phòng, trả phòng, các hình thức thanh toán khi trả	2	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			phòng, phục vụ khách hàng trong thời gian lưu trú, đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân. Từ đó người học vận dụng được kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân.					
31	KTQU250 6	Thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C,	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			C2C, G2G, G2B, G2C.					
32	PGT203	Tâm lý khách hàng du lịch	Sau khi kết thúc học phần sinh viên biết được các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra người học cũng tổng hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam. Từ đó áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và lữ hành trong tương	3	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			lai.					
33	FOC102	Văn hóa ẩm thực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới.	3	29	16	90	
34	KTDL2512	Đạo đức nghề du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Phân tích được mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp nói chung và lĩnh vực du lịch nói riêng; cũng như hiểu được các quy tắc ứng	2	24,5	5,5	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			xử đạo đức kinh doanh du lịch toàn cầu và Việt Nam.					
35	STT202	Du lịch bền vững	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề liên quan về du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam; Các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. Từ đó, người học liên hệ các kiến thức đã học với định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững, vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch.	3	29	16	90	
36	KTKE2524	Kế toán tài	Sau khi kết thúc học	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		chính	phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.					
37	KTDL2514	Quản trị điểm đến du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; tổ chức quản lý điểm đến, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Từ đó, người học biết triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	2	22	8	60	
38	OMT203	Quản trị tác nghiệp doanh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu	3	31	14	90	



TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		ng nghiệp lữ hành	được tổng quan về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành. Từ đó áp dụng vào thực tiễn nghề nghiệp sau này.					
39	KTQU258 6	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết áp dụng các kỹ năng vào thực tế nghề nghiệp, bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng của một số vị trí cụ thể trong ngành du lịch.	2	19	11	60	
40	KTDL2517	Thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu về chương trình du lịch và quản lý điều hành chương trình du lịch;	3	28	17	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			biết xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch; tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch.					
41	TVG203	Hướng dẫn du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó, người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	3	26	19	90	
42	KTDL2520	Quản trị kinh doanh khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản như: tổng quan về quản trị kinh doanh khách sạn; vận dụng được các nghiệp vụ quản trị	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng vào trong thực tế việc làm.					
43	KTDL2621	Du lịch văn hóa Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, cơ sở văn hóa Việt Nam, các loại hình du lịch văn hóa Việt Nam, vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ của du lịch văn hóa Việt Nam vào định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.	2	20	10	60	
44	KTDL2519	Du lịch sinh thái	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đặc trưng, các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của du lịch sinh thái, phát triển du lịch sinh thái bền vững, tài nguyên du lịch sinh thái, xây dựng quy hoạch du lịch sinh thái,	3	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			một số phương pháp trong lập kế hoạch và phát triển du lịch sinh thái, đồng thời biết vận dụng để quản lý các dự án du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia của Việt Nam.					
45	KTDL2722	Thực tập khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của các đơn vị kinh doanh hoạt động lưu trú, khách sạn.	4		60	120	
46	KTDL2723	Thực tập lễ hành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực lễ hành.	4		60	120	
<b>II.3</b>	<b>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</b>							
47	ITS204	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và củng cố hóa được kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn	6		90	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			<p>ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Tiếp cận và mô tả được công tác Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại các doanh nghiệp, tổ chức thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước,... Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, quản trị và các nội dung khác trong các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành; Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành;</p>					
48	DST209	Khóa luận tốt nghiệp	<p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ</p>	6		90	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			hành; Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ du lịch và lữ hành.					
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn</b>							
<b>III.1</b>	<b>Khối kiến thức tự chọn</b>							
1	CFV102	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được những kiến thức về phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam. Hiểu được những đặc trưng và đặc điểm của phong tục, tín ngưỡng, tập quán, lễ hội truyền thống, những nét đặc sắc của phong tục tập quán lễ hội các vùng miền trên đất nước, đồng thời là sự thể hiện văn hóa trong phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam. Biết vận dụng kiến thức đã học vào lĩnh vực du lịch văn hóa.	2	22	8	60	
2	CNV102	Văn hóa các dân tộc Việt	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết các	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		Nam	kiến thức cơ bản về văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên mọi miền tổ quốc. Biết vận dụng những kiến thức về văn hóa của các dân tộc Việt Nam trong nghiệp vụ du lịch và lễ hành của mình sau này.					
3	HWC102	Lịch sử văn minh thế giới	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết những kiến thức cơ bản về các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới. Nhận diện và phân biệt được các nền văn minh với nhau.	2	25	5	60	
4	GHV102	Lịch sử Việt Nam đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được các kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay. Đồng thời biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế việc làm ngành quản trị dịch vụ du lịch – lễ hành của mình.	2	24	6	60	
5	VNC102	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những tri	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			thức cơ bản của một nền văn hóa; Phân tích được các đặc trưng cơ bản và các quy luật hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam;					
6	API202	Tin học ứng dụng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải trình bày được những kiến thức ứng dụng phần mềm Excel cơ bản trong tổng hợp, xử lý và phân tích các số liệu điều tra. Vận dụng các tiện ích của phần mềm Excel để phân tích các số liệu thống kê và làm các công việc trong công tác quản lý du lịch.	2	13	17	60	
7	QNA203	Phân tích định lượng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về bản chất của phân tích định lượng, cách xây dựng mô hình kinh tế, tìm ra những phương án tối ưu hoá trong sản xuất và kinh doanh cũng như trong	2	17	13	60	



TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			tiêu dùng. Đồng thời người học trình bày được kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và các mô hình hồi quy tuyến tính đơn biến, hồi quy tuyến tính đa biến.					
<b>III.2 Khối kiến thức bổ trợ, thay thế khóa luận</b>								
8	SMN204	Quản trị chiến lược	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp.	3	34	11	90	
9	RTB204	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu những kiến thức tổng	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			quát về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm nhìn rộng về các loại tài nguyên được sử dụng trong du lịch, nhận diện được các hoạt động kinh doanh du lịch, mối liên hệ giữa tài nguyên và kinh doanh du lịch.					

#### 4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>											
<i>I.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>											
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	x										x
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	x										x
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x										x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x										x
<b>I.2</b>	<b><i>Khoa học xã hội</i></b>											
5	Kỹ năng mềm		x					x		x		x
6	Pháp luật đại cương	x										x
<b>I.3</b>	<b><i>Ngoại ngữ</i></b>											
7	Tiếng Anh 1					x						x
8	Tiếng Anh 2					x						x
9	Tiếng Anh 3					x						x
<b>I.4</b>	<b><i>Khoa học tự nhiên - Tin học</i></b>											
10	Toán cao cấp	x	x									x
11	Tin học đại cương	x	x									x
<b>I.5</b>	<b><i>Giáo dục thể chất</i></b>	x										x
<b>I.6</b>	<b><i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i></b>	x										x
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>											
<b>II.1</b>	<b><i>Kiến thức cơ sở ngành</i></b>											
12	Kinh tế vi mô		x									x
13	Kinh tế vĩ mô		x									x
14	Kinh tế tài nguyên và môi trường		x									x
15	Nguyên lý thống kê kinh tế		x									x
16	Nguyên lý kế toán		x									x
17	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh		x									x
18	Điểm đến du lịch			x								x
19	Quản trị học		x				x					x
20	Marketing căn bản		x									x
21	Tài chính - Tiền tệ		x									x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>											
22	Tổng quan du lịch			x			x		x	x	x	
23	Quản lý nhà nước về du lịch			x	x		x			x	x	
24	Quản trị doanh nghiệp du lịch			x	x		x	x	x	x	x	
25	Quản trị nguồn nhân lực			x	x		x	x	x	x	x	
26	Quản trị sự kiện			x	x		x	x	x	x	x	
27	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú			x	x		x		x	x	x	
28	Quản trị chất lượng du lịch			x	x		x		x	x	x	
29	Marketing du lịch			x	x		x					
30	Quản trị lễ tân			x	x		x		x	x	x	
31	Thương mại điện tử		x									
32	Tâm lý khách hàng du lịch		x	x			x			x	x	
33	Văn hóa ẩm thực		x	x			x					
34	Đạo đức nghề du lịch			x			x		x	x	x	
35	Du lịch bền vững			x					x	x	x	
36	Kế toán tài chính		x									x
37	Quản trị điểm đến du lịch			x	x				x		x	x
38	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành			x	x		x		x	x	x	x
39	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	x		x					x	x	x	x
40	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch			x	x		x					x
41	Hướng dẫn du lịch			x	x		x			x	x	
42	Quản trị kinh doanh khách sạn			x	x		x		x	x	x	x
43	Du lịch sinh thái			x					x	x	x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL
44	Du lịch văn hóa Việt Nam			x				x	x	x		
45	Thực tập khách sạn			x	x		x	x	x	x	x	
46	Thực tập lễ hành			x	x		x	x	x	x	x	
<i>II.2.2</i>	<i>Tự chọn</i>											
47	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	x									x	
48	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	x									x	
49	Lịch sử văn minh thế giới	x		x	x		x	x	x	x	x	
50	Lịch sử Việt Nam đại cương	x		x	x		x	x	x	x	x	
51	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x		x	x		x	x	x		x	
52	Tin học ứng dụng		x								x	
53	Phân tích định lượng		x								x	
<i>II.3</i>	<i>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</i>											
54	Thực tập tốt nghiệp			x	x		x	x			x	
55	Khóa luận tốt nghiệp			x	x		x	x			x	
<i>II.4</i>	<i>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>											
56	Quản trị chiến lược			x	x		x				x	
57	Tài nguyên và kinh doanh du lịch			x	x		x				x	
	<b>Tổng số</b>											

#### 4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<i>I.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>									

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	LTML2101	2							
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	LTML2102		3						
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101				3				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTTT2101			2					
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>									
5	Kỹ năng mềm	KTQU2151				2				
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2							
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>									
7	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3							
8	Tiếng Anh 2	NNTA2102		3						
9	Tiếng Anh 3	NNTA2103			2					
<b>I.4</b>	<b>Khoa học tự nhiên – Tin học</b>									
10	Toán cao cấp	KDTO2108	3							
11	Tin học đại cương	CTKH2151	2							
<b>I.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		x	x	x	x				
<b>I.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng- An ninh</b>									
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>									
12	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3							
13	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302		3						
14	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301		2						
15	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301		2						
16	Nguyên lý kế toán	KTKE2501			3					
17	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302							2	
18	Điểm đến du lịch	KTDL2401				3				
19	Quản trị học	MNT101		3						
20	Marketing căn bản	BMA202		2						
21	Tài chính - Tiền tệ	FIMO203			2					

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>									
22	Tổng quan du lịch	OVT101			3					
23	Quản lý nhà nước về du lịch	SMT202						2		
24	Quản trị doanh nghiệp du lịch	MTA202				3				
25	Quản trị nguồn nhân lực	HRM203			3					
26	Quản trị sự kiện	ETM203					3			
27	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	MIR202					3			
28	Quản trị chất lượng du lịch	TQM203				2				
29	Marketing du lịch	TMG202						3		
30	Quản trị lễ tân	FOM203					2			
31	Thương mại điện tử	KTQU2506			2					
32	Tâm lý khách hàng du lịch	PGT203				3				
33	Văn hóa ẩm thực	FOC102					3			
34	Đạo đức nghề du lịch	KTDL2512						2		
35	Du lịch bền vững	STT202						3		
36	Kế toán tài chính	FACT203				2				
37	Quản trị điểm đến du lịch	TDM204						2		
38	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	OMT203							3	
39	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	KTQU2586							2	
40	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	KTDL2517							3	
41	Hướng dẫn du lịch	TVG203							3	
42	Quản trị kinh doanh khách sạn	KTDL2520					3			
43	Du lịch sinh thái	KTDL2519						3		
44	Du lịch văn hóa Việt Nam	KTDL2621						2		
45	Thực tập khách sạn	KTDL2722					4			
46	Thực tập lữ hành	KTDL2723							4	
<b>II.3</b>	<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>									
47	Thực tập tốt nghiệp	ITS204								6

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
48	Khóa luận tốt nghiệp	DST209								6
	<b>Tổng số tín chỉ mỗi kỳ học</b>		<b>15</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>12</b>
<b>III.</b>	<b>Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn</b>									
<b>III.1</b>	<b>Khối kiến thức tự chọn (08/22)</b>									
1	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	CFV102	02/12							
2	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	CNV102								
3	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102								
4	Lịch sử Việt Nam đại cương	GHV102								
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102								
6	Du lịch văn hóa Việt Nam	KTDL2621								
7	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302	06/10							
8	Kế toán tài chính	FACT203								
9	Thương mại điện tử	KTQU2506								
10	Tin học ứng dụng	API202								
11	Phân tích định lượng	QNA203								
<b>III.2</b>	<b>Khối kiến thức bổ trợ (6TC)</b>									
1	Quản trị chiến lược	SMN204								3
2	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	RTB204								3
	<b>Tổng (*) (132/132)</b>									

Ghi chú: (\*) Không kể GDTC và GDQP-AN

#### 4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

##### 1) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

2TC

Sinh viên cần đạt được các nội dung: khái lược về chủ nghĩa Mac – Lênin và một số vấn đề chung của môn học cũng như nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mac – Lênin bao gồm: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.



**2) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2** **3TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mac – Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học và khái quát về hiện thực và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

**3) Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam** **3TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 – 1945; đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược 1945 – 1975; đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường đường lối xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại.

**4) Tư tưởng Hồ Chí Minh** **2TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về 6 vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam đó là: dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam, về vấn đề đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, về văn hóa đạo đức và xây dựng con người mới.

**5) Kỹ năng mềm** **2TC**

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm.

**6) Pháp luật đại cương** **2TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước, pháp luật nói chung; và nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau.

**7) Tiếng Anh 1** **3TC**

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp (thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn và quá khứ đơn, tính từ sở hữu, đại từ và tính từ chỉ định, đại từ tân ngữ); các chủ điểm quen thuộc, gần gũi nhất với người học như bản thân, gia đình, cuộc sống hàng ngày.

**8) Tiếng Anh 2** **3TC**

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về các thì, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở

mức độ tiên trung cấp.

### **9) Tiếng Anh 3**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...; Phương pháp thuyết trình khoa học và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp.

### **10) Toán cao cấp**

**3TC**

Các kiến thức về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, hàm số 1 biến số, hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân.

### **11) Tin học đại cương**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: một số kiến thức đại cương về tin học như; một số hệ điều hành thông dụng và các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

### **12) Giáo dục thể chất**

**5TC**

Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:

\* Phần bắt buộc (3TC)

(1) Thể dục (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.

(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.

\* Phần tự chọn (2TC): SV chọn một trong các môn học sau (mỗi môn học bao gồm 2 học phần):

(1) Bóng chuyền 1 (1TC) và Bóng chuyền 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức cơ bản về luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng chuyền; một số kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(2) Cầu lông 1(1TC) và Cầu lông 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam, tác dụng của tập luyện và thi đấu; kỹ thuật, chiến thuật

trong thi đấu cầu lông. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn cầu lông, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(3) Bơi lội 1(1TC) và Bơi lội 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về bơi lội thông qua các bài tập, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(4) Bóng rổ 1 (1TC) và Bóng rổ 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về môn bóng rổ thông qua các bài tập, giúp SV có được tư thế tác phong, chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

### **13) Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8TC**

Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

(1) Đường lối quân sự của Đảng (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quan đội và bảo vệ tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

(2) Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung (2TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

(3) Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

### **14) Kinh tế vi mô 3TC**

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản giúp cho sinh viên hiểu và biết cách phân tích các vấn đề về sử dụng nguồn lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế. Ngoài ra, nội dung học phần còn bao gồm những kiến thức cơ bản làm nền tảng để nghiên cứu nhiều học phần khác như: kinh tế công cộng, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế ngành...

### **15) Kinh tế vĩ mô 3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, như: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong

dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

#### **16) Kinh tế tài nguyên và môi trường**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như: khái niệm kinh tế tài nguyên môi trường, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế tài nguyên môi trường; các vấn đề về kinh tế ô nhiễm: các loại chất ô nhiễm, phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu, các công cụ kiểm soát ô nhiễm (côta ô nhiễm, trợ cấp, thuế Pigow, các biện pháp kinh tế giảm nhẹ ô nhiễm,...); phương pháp xác định mức khai thác tối ưu tài nguyên tái tạo và không tái tạo; phương pháp phân tích lợi ích chi phí trong lựa chọn dự án kinh tế tài nguyên môi trường; phương pháp đánh giá tác động môi trường; phương pháp định giá tài nguyên môi trường; vấn đề thuế và phí môi trường.

#### **17) Nguyên lý thống kê kinh tế**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: những lý luận về khoa học thống kê: Mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Trên cơ sở đó tập trung vào nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.

#### **18) Nguyên lý kế toán**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản. Đối tượng nghiên cứu của kế toán. Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối. Các quá trình kinh doanh chủ yếu. Các hình thức kế toán. Tổ chức bộ máy kế toán.

#### **19) Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Một số khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, nội dung các phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong quản lý và kinh doanh, phương pháp tích lũy tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế, phương pháp nghiên cứu và viết khóa luận tốt nghiệp đại học.

#### **20) Điểm đến du lịch**

**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về du lịch, nghiên cứu điểm đến du lịch.
- Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch.

- Tìm hiểu về tổ chức lãnh thổ du lịch.
- Tìm hiểu hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch trên thế giới. Tìm hiểu hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch tại Việt Nam.

### **21) Quản trị học**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong lĩnh vực kinh doanh như: Bản chất, vai trò, chức năng, quá trình phát triển của quản trị kinh doanh; Đi sâu nghiên cứu quản trị ở một số lĩnh vực cụ thể của quá trình kinh doanh như: quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực.

### **22) Marketing căn bản**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu quá trình làm sao có thể đưa hàng hóa từ doanh nghiệp đến khách hàng, làm sao có thể thỏa mãn tối đa được nhu cầu của khách hàng. Từ đó, có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

### **23) Tài chính - Tiền tệ**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

### **24) Tổng quan du lịch**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản, phương pháp và thực tiễn về du lịch; cung cấp các kiến thức chung, cơ bản về ngành du lịch và khách sạn của Việt nam và bối cảnh quốc tế bao gồm sự phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng của hệ thống du lịch và các thành phần có liên quan. Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các ảnh hưởng về kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường đến công nghiệp du lịch, hướng giải quyết những vấn nạn do phát triển du lịch gây ra.

### **25) Quản lý nhà nước về du lịch**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề liên quan đến việc quản lý của nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch (Quản lý quy hoạch phát triển du lịch; Quản

lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; Quản lý kinh doanh du lịch; Quản lý hướng dẫn du lịch; Xúc tiến du lịch; Hợp tác quốc tế về du lịch; Thanh tra, kiểm tra du lịch).

## **26) Quản trị doanh nghiệp du lịch**

**3TC**

Học phần quản trị doanh nghiệp du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch như: tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch, hoạt động quản trị kinh doanh trong một doanh nghiệp du lịch như: quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng.

## **27) Quản trị nguồn nhân lực**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.

## **28) Quản trị sự kiện**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề liên quan đến việc quản trị các các hoạt động trong lĩnh vực tổ chức sự kiện như: hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách cho sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Các hoạt động chuẩn bị trước khi diễn ra sự kiện; chuẩn bị hậu cần tổ chức sự kiện; tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

## **29) Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

## **30) Quản trị chất lượng du lịch**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch; đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; những tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

## **31) Marketing du lịch**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chính sách

sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

### **32) Quản trị lễ tân**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị lễ tân như: lập kế hoạch đón tiếp khách hàng, dự báo quỹ phòng, chu trình đặt phòng, trả phòng, các hình thức thanh toán khi trả phòng, phục vụ khách hàng trong thời gian lưu trú, đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân.

### **33) Thương mại điện tử**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức, sự hiểu biết về công nghệ Internet, các mô hình thương mại điện tử và khám phá các ứng dụng của thương mại điện tử trong kinh doanh và trong quản lý kinh tế.

### **34) Tâm lý khách hàng du lịch**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch; những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

### **35) Văn hóa ẩm thực**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. Văn hóa ẩm thực của Việt Nam, của một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng với du lịch Việt Nam và ẩm thực của các tôn giáo khác nhau trên Thế giới.

### **36) Đạo đức nghề du lịch**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Đối tượng và nhiệm vụ của đạo đức học, nhiệm vụ của đạo đức học, một số phạm trù của đạo đức học, các phương pháp nghiên cứu đạo đức. Sự hình thành đạo đức cá nhân, như: Tính trung thực, tính nguyên tắc, tính khiêm tốn, lòng dũng cảm, tình yêu lao động, học tập không biết mệt mỏi; Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người quản trị nhân sự, đặc trưng của nghề, một số nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác quản lý, vấn đề xây dựng đạo đức mới cho người lao động trong nền kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước

### **37) Du lịch bền vững**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp

thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

### **38) Kế toán tài chính**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

### **39) Quản trị điểm đến du lịch**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; tổ chức quản lý điểm đến, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

### **40) Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành.

### **41) Kỹ năng phát triển nghề du lịch**

**2TC**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ năng bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng của một số vị trí nghề nghiệp trong du lịch.

### **42) Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về chương trình du lịch và quản lý điều hành chương trình du lịch; xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch; tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch.

### **43) Hướng dẫn du lịch**

**3TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản như nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch.



Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

**44) Quản trị kinh doanh khách sạn 3TC**

Học phần quản trị doanh nghiệp du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch như: tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch, hoạt động quản trị kinh doanh trong một doanh nghiệp du lịch như: quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng

**45) Du lịch sinh thái 3TC**

Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái. Hoạt động du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan. Cuối cùng là những nội dung liên quan đến phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

**46) Du lịch văn hóa Việt Nam 2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, cơ sở văn hóa Việt Nam, các loại hình du lịch văn hóa Việt Nam, các kỹ năng nghiệp vụ của du lịch văn hóa Việt Nam và định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.

**47) Thực tập khách sạn 4TC**

Nội dung học phần bao gồm:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập là khách sạn
  - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
  - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

**48) Thực tập lễ hành 4TC**

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lễ hành:
  - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
  - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

**49) Thực tập tốt nghiệp 6TC**

Nội dung học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và kinh doanh;
- Thực tập các nghiệp vụ tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành

**50) Khóa luận tốt nghiệp** **6TC**

Nội dung: thực hiện theo yêu cầu của Khoa, Bộ môn và giảng viên hướng dẫn.

**51) Quản trị chiến lược** **3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về Quản trị chiến lược, nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, viễn cảnh, sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp. Học phần không chỉ tập trung vào việc lựa chọn, và tổ chức thực hiện chiến lược mà còn đề cập tới việc đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

**52) Tài nguyên và kinh doanh du lịch** **3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tài nguyên du lịch như các loại tài nguyên du lịch, các nhân tố tác động đến tài nguyên và kinh doanh du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, định hướng và các giải pháp nhằm khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch theo hướng bền vững. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

**53) Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam** **2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tín ngưỡng các dân tộc Việt Nam, các phong tục tập quán của người Việt, các lễ hội dân gian và bản sắc văn hóa người Việt trong các phong tục lễ hội. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

**54) Văn hóa các dân tộc Việt Nam** **2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: giới thiệu tổng quan về bức tranh văn hóa của các dân tộc Việt Nam, đi sâu vào từng đặc trưng văn hóa của người Việt – tộc người chủ thể và giới thiệu khái quát về các dân tộc khác theo từng khu vực, kết hợp với ngôn ngữ khác nhau.

**55) Lịch sử văn minh thế giới** **2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển văn minh nhân loại (qua những nền văn minh tiêu biểu); về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới với việc giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

**56) Lịch sử Việt Nam đại cương****2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học có được những kiến thức về: Việt Nam thời nguyên thủy, thời kỳ dựng nước và giữ nước thời đại Hùng Vương – An Dương Vương, thời đại Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập (năm 179 trước công nguyên – 938 sau công nguyên), thời đại xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập (938 – 1958), thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp (1858 – 1945), thời kỳ chiến tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1945 đến nay.

**57) Cơ sở văn hóa Việt Nam****2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

**58) Tin học ứng dụng****2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu mục đích, ý nghĩa, khả năng đáp ứng của Tin học đối với ngành du lịch, cũng như đối tượng và nhu cầu sử dụng tin học ứng dụng trong ngành. Chương trình Excel ứng dụng trong chuyên ngành: giới thiệu chung về chương trình Excel, một số lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, các lệnh sắp xếp, phân tổ, phân tích tài liệu, cách vào các công thức và hàm trong Excel ứng dụng trong quản lý nói chung và ngành du lịch nói riêng. Quản lý tài chính: các hàm sử dụng trong tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả đầu tư và đầu tư chứng khoán. Các phương pháp dự báo- lập kế hoạch kinh doanh và bào toán điểm hòa vốn: giới thiệu những kiến thức về phân tích tương quan, hồi qui, phương sai và các phân tích khác trên Excel cũng như bài toán điểm hòa vốn trong quản lý. Phân tích rủi ro trong kinh doanh bằng Crystal ball: giới thiệu các kiến thức về crystal Ball và ứng dụng trong quản lý. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính: Giới thiệu về bài toán tối ưu và giải bằng Solver.

**59) Phân tích định lượng****2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu về phân tích định lượng: Bao gồm những khái niệm cơ bản nhất về phân tích định lượng như quy trình, phương pháp phân tích và các phần mềm ứng dụng phổ biến. Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu: Trong chương này sẽ trình bày các ứng dụng của phép đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế; giới thiệu các mô hình toán kinh tế để giải các bài toán tối ưu trong thực tiễn. Phân tích hồi quy: Giới thiệu về mô hình hồi quy bao gồm mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định các giả thuyết về các tham số trong mô hình; từ đó có thể lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp với vấn đề thực tiễn. Phương pháp dự báo định lượng: Chương này giới thiệu 2 nhóm phương pháp dự báo định lượng được sử dụng phổ biến, bao gồm dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian và dự

báo bằng phương dự báo nhân quả. Các phương pháp này có ý nghĩa vận dụng trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### 4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

##### 4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

##### a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	Tất cả các môn	13.854
				Màn chiếu	107		
				Bảng chống loá	154		
				Bàn giáo viên	154		
				Bàn học sinh	3.650		

##### b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
2	Phòng	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các	103

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )
	máy 702			Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016	môn tin học	
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
3	Phòng máy 703	1	103	Máy vi tính DELL	47	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
4	Phòng máy 704	1	103	Máy vi tính DELL	66	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )
5	Phòng máy 705	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
6	Phòng máy 706	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
7	Phòng máy 708	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )
				Sony				
8	Phòng máy 710	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
9	Phòng máy 806	1	103	Máy vi tính DELL	39	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
10	Phòng máy 808	1	103	Máy vi tính DELL	48	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
11	Phòng máy 810	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103

c. Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m<sup>2</sup> trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m<sup>2</sup>

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	TÊN MÔN HỌC	TÀI LIỆU CHÍNH
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia



	2	
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2013), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5	Kỹ năng mềm	1. Bùi Thị Thu (2018), <i>Giáo trình kỹ năng mềm</i> , NXB Xây dựng
		2. Lại Thế Luyện (2014), <i>Kỹ năng tìm việc làm</i> , NXB Thời đại.
		3. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân.
6	Pháp luật đại cương	1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
		2. Nguyễn Minh Đoan (2016), <i>Lý luận về Nhà nước và Pháp luật</i> , NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
		3. Vũ Quang (2015), <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i> , NXB Bách Khoa Hà Nội.
7	Tiếng Anh 1	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge, Elementary</i> . Harlow: Pearson Longman.
8	Tiếng Anh 2	New cutting Edge (Pre- Intermediate)
9	Tiếng Anh 3	1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), <i>New cutting Edge (Pre- Intermediate)</i> , Pearson Longman
10	Toán cao cấp	1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2012, <i>Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)</i> , Nhà xuất bản Giáo Dục.
		2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2019, <i>Bài tập Toán cao cấp</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
11	Tin học đại cương	1. Phạm Thị Anh Lê (2014), <i>Giáo trình Tin học đại</i>

		<p><i>ương (tập 1,2,3), Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.</i></p> <p>2. Phạm Quang Huy (2019), <i>Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.</p> <p>3. Phạm Quang Hiến (2019), Phạm Phương Hoa, <i>Giáo trình thực hành Excel</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.</p>
12	Kinh tế vi mô	<p>1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), <i>GT Kinh tế vi mô</i>, Nhà xuất bản xây dựng.</p> <p>2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), <i>GT Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p>3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p> <p>4. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2011), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Chính trị hành chính.</p>
13	Kinh tế vĩ mô	<p>1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), <i>GT Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Văn Công (2008), <i>Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>2. Nguyễn Văn Ngọc (2013), <i>Bài giảng Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
14	Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (2011), <i>Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p>
15	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>1. Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu(2014), <i>Giáo Trình thống kê Kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i> (2014), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân</p> <p>3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i>, NXB Hồng Đức</p>
16	Nguyên lý kế toán	<p>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), <i>Giáo trình</i></p>

		Nguyên lý kế toán, NXB Lao động xã hội
		2. Bộ Tài chính (2015), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài chính
		3. Phan Đức Dũng (2014), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực, NXB Thống kê.
17	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	1. Vũ Cao Đàm (2014), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật.
		2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i> , NXB Tài chính.
		3. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
18	Điểm đến du lịch	1. Bùi Thị Hải Yến (2005), <i>Tuyển điểm du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục.
		2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i> , Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
		3. Nguyễn Phi Hạnh (2007), <i>Những vấn đề địa lý toàn cầu</i> , Đại học sư phạm Hà Nội.
19	Quản trị học	1. Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật
		2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), <i>Quản trị học</i> , NXB Văn hóa - Nghệ thuật.
20	Marketing căn bản	1. Trần Minh Đạo (2012), <i>Marketing căn bản</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Marketing căn bản</i> , Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
21	Tài chính - Tiền tệ	1. Phạm Ngọc Dũng (2014), <i>Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Tài chính.
		2. Lê Thị Mận (2014), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Lao động Xã hội.
		3. Nguyễn Hữu Tài (2012), <i>Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
22	Tổng quan du lịch	1. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i> , NXB Lao động – Xã hội.
		2. Trần Thị Mai (2008), <i>Giáo trình Tổng quan du lịch</i> , NXB

		Lao động – Xã hội
		3. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục Việt Nam
23	Quản lý nhà nước về du lịch	1. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), <i>Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn</i> , NXB Lao động – Xã hội. 2. Đỗ Văn Phúc (2009), <i>Quản lý doanh nghiệp</i> , NXB Bách khoa – Hà Nội 3. Trần Thị Mai (2008), <i>Giáo trình tổng quan du lịch</i> , NXB Lao động – Xã hội
24	Quản trị doanh nghiệp du lịch	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), <i>The management of Tourism</i> , SAGE Publications 3. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn</i> , NXB Phương Đông
25	Quản trị nguồn nhân lực	1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), <i>Giáo trình quản trị nhân lực căn bản</i> , NXB Thống kê. 2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), <i>Quản trị nhân lực</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Trần Kim Dung (2016), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i> , NXB Kinh tế TP HCM
26	Quản trị sự kiện	1. Lưu Văn Nghiêm (2012), <i>Tổ chức sự kiện</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2013), <i>Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội</i> , NXB Lao động – Xã hội. 3. TS. Thái Trí Dũng (2012), <i>Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh</i> , NXB Lao động – Xã hội.
27	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	1. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2012), <i>Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch</i> , NXB Lao động – Xã hội 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
28	Quản trị chất lượng du lịch	1. Nguyễn Doãn Thị Liễu, Nguyễn Trọng Đặng (2008), <i>Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch</i> , NXB Thống kê

		2. Nguyễn Đình Phan (2005), <i>Quản lý chất lượng trong các tổ chức</i> , NXB Lao động xã hội
		3. Phan Thăng (2009), <i>Quản trị chất lượng</i> , NXB Thống kê
29	Marketing du lịch	1. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang (2005), <i>Marketing du lịch</i> , NXB Thành phố Hồ Chí Minh
		2. Nguyễn Trùng Khánh (2006), <i>Giáo trình marketing du lịch</i> , NXBLao động – Xã hội
		3. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình marketing căn bản</i> , ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
30	Quản trị lễ tân	1. Phạm Thị Cúc (2005), <i>Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân</i> , NXB Hà Nội
		2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), <i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
31	Thương mại điện tử	1. Trần Văn Hòe (2015), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Nguyễn Văn Hồng (2012), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , NXB Hồng Đức
32	Tâm lý khách hàng du lịch	1. Phan Thị Dung (2010), <i>Tâm lý du khách</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
		2. Trần Thị Thu Hà (2005), <i>Giáo trình tâm lý học kinh doanh du lịch</i> , NXB Hà Nội
		3. Thái Trí Dũng (2012), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i> , NXB Lao động – Xã hội
33	Văn hóa ẩm thực	1. Nguyễn Thị Bầy, Trần Quốc Vượng (2010), <i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn</i> , NXB Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa
		2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2014), <i>Ẩm thực Việt Nam và thế giới</i> , NXB Phụ nữ
		3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
34	Đạo đức nghề du lịch	1. Nguyễn Mạnh Quân (2012), <i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân

		2. Dương Thị Liễu (2013), <i>Giáo trình văn hóa kinh doanh</i> , Nxb Đại học kinh tế quốc dân
		3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2008), <i>Đạo đức học Mác – Lênin</i> , NXB chính trị quốc gia
35	Du lịch bền vững	1. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu (2001), <i>Du lịch bền vững</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
		2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i> , Nxb Giáo dục
		3. Nguyễn Văn Đính (2006), <i>Kinh tế du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
36	Kế toán tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính
		2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> , NXB Tài chính
		3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán tài chính</i> , NXB lao động – xã hội
37	Quản trị điểm đến du lịch	1. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2013), <i>Giáo trình marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục Việt Nam
38	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), <i>Quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Nguyễn Mạnh Ty, Mai Chánh Cường (2014), <i>Quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB đại học quốc gia Hà Nội
		3. Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2011), <i>Quản trị tác nghiệp</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
39	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sự phạm tương tác</i> , NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
		2. PGS.TS Ngô Kim Thanh, TS. Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		3. Bùi Thanh Thủy (2012), <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

40	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Kinh tế du lịch</i> , NXB Lao động Xã hội.
		3. Bùi Thị Hải Yến (2005), <i>Tuyển điểm du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
41	Hướng dẫn du lịch	1. Bùi Thanh Thủy (2009), <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
		2. PGS.TS Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân
		3. Bùi Thị Hải Yến (2005), <i>Giáo trình tuyển điểm du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục.
42	Quản trị kinh doanh khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), <i>Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn</i> , NXB Lao động-Xã hội
		3. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2011), <i>Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch</i> , NXB Lao động – Xã hội
43	Du lịch sinh thái	1. Lê Huy Bá (2006), <i>Du lịch sinh thái</i> , NXB Khoa học kỹ thuật
		2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i> , NXB Lao động xã hội
44	Du lịch văn hóa Việt Nam	1. Trần Thúy Anh (2011), <i>Giáo trình Du lịch văn hóa - Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ</i> , NXB Giáo dục Việt Nam
		2. Trần Quốc Vượng (2017), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
		3. PGS.TS. Hoàng Văn Thành (2014), <i>Giáo trình văn hóa du lịch</i> , NXB Chính trị quốc gia – Sự Thật
45	Thực tập khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
		2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), <i>The</i>

		<i>management of Tourism</i> , SAGE Publications
		3. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn</i> , NXB Phương Đông
46	Thực tập lý hành	1. Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật.
		2. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), <i>Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch</i> , NXB Thống kê
47	Thực tập tốt nghiệp	1. Phạm Xuân Hậu (2011), <i>Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i> , NXB Thống kê.
		2. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i> , NXB Kinh tế quốc dân
		3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình quản trị nhân lực</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), <i>Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch</i> , NXB Thống kê
48	Khóa luận tốt nghiệp	1. Phạm Xuân Hậu (2011), <i>Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i> , NXB Thống kê.
		2. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i> , NXB Kinh tế quốc dân
		3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình quản trị nhân lực</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), <i>Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch</i> , NXB Thống kê
49	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm (1996), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB TP.HCM
		2. Phan Kế Bính (2006), <i>Việt Nam phong tục</i> , NXB Văn học
		3. Phan Ngọc (1998), <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB Văn hóa thông tin
50	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	1. Phan Ngọc (1998), <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB Văn hóa – Thông tin



		2. Trần Quốc Vượng (1998), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
		3. Trần Ngọc Thêm (1996), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB Tp. Hồ Chí Minh
51	Lịch sử văn minh thế giới	1. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2006), <i>Lịch sử thế giới cận đại</i> , NXB Giáo dục
		2. Nguyễn Anh Thái (2006), <i>Lịch sử thế giới hiện đại 1917 - 1995</i> , NXB Giáo dục.
		3. Vũ Dương Ninh (2003), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i> , NXB Giáo dục Hà Nội
52	Lịch sử Việt Nam đại cương	1. Trương Hữu Quýnh (1997), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
		2. Đinh Xuân Lâm (2000), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập</i> , NXB Giáo dục
		3. Lê Mậu Hãn (2006), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
53	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm (2011), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Giáo dục
54	Tin học ứng dụng	1. PGS.TS Ngô Thị Thuận (2010), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
		2 PGS.TS Hàn Viết Thuận (2009), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		3. Trần Công Nghiệp (2011), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh
55	Phân tích định lượng	1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), <i>Giáo trình Mô hình toán kinh tế</i> , NXB Tài chính
		2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
		3. Lê Đình Thúy (2010), <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
56	Quản trị chiến lược	1. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Fredr. David (2012), <i>Khái luận về Quản trị chiến lược</i> , NXB thống kê
		3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi

		(2011), <i>Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống</i> , NXB Phương Đông
57	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	1. Bùi Thị Hải Yến (2012), <i>Giáo trình Tài nguyên du lịch</i> , NXB Giáo dục Việt Nam 2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục Việt Nam 3. Nguyễn Văn Đỉnh, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i> , NXB Lao động.

#### 4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ GS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH
1	Nguyễn Viết Thành			x		
2	Nguyễn Thị Khuy			x		
3	Nguyễn Khắc Lĩnh				x	
4	Lê Thị Thoa				x	
5	Nguyễn Hà Linh				x	
6	Nguyễn Khánh Linh				x	
7	Nguyễn Khắc Thành				x	
8	Đào Thị Thùy Linh				x	
9	Đào Hồng Vân				x	
10	Đỗ Thị Ngọc Thúy				x	
11	Trần Thị Thu Hoài				x	
12	Nguyễn Ngọc Hồng				x	
13	Đình Thị Thanh Huyền				x	
14	Nguyễn Thị Thu Hương				x	
15	Võ Diệu Linh				x	
16	Phạm Thị Mai				x	
17	Tạ Thị Thu				x	
18	Trần Minh Tiến				x	
19	Lưu Thùy Dương				x	
20	Đỗ Hải Hà				x	
21	Nguyễn Thị Hoài Thương				x	
22	Mai Hương Lam				x	
23	Đặng Thị Hiền				x	
24	Tạ Thị Bẩy				x	
25	Trần Thu Hằng				x	

26	Phạm Thị Lam				x	
27	Nguyễn Gia Thọ				x	
28	Bùi Thị Thu Hương				x	
29	Nguyễn Tiến Quang				x	
30	Mai Tiến Tú				x	
31	Cao Thị Bích Ngọc				x	
32	Phạm Khắc Nam				x	
33	Vũ Văn Khoa				x	
34	Mai Thị Thanh				x	

#### 4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).


- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo.

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2019  
**TRƯỞNG KHOA**

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
  
**TS. Lưu Văn Huyền**

  
**TS. Nguyễn Hoàn**